TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 21-01-2021
V/v: "Tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Luyện Thanh Sơn**
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Hoàng Thị Xoan**
2. Ông **Đinh Hữu Luynh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nga** - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Ông **Hồ Đạt Quyết** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:185/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị L**, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh Ph**, sinh năm: 1986;
Địa chỉ: Thôn Ngh, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị L có mặt, anh Ph vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/9/2020, bản tư khai và lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Hồ Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh Ph sau thời gian tự nguyện tìm hiểu khoảng 06 tháng, đến ngày 04/10/2013 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có tổ chức lễ cưới, việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị và anh Ph sống chung cùng gia đình bên chồng tại xã K, huyện Đ. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Ph có tính hay nghen tuông vô cớ, luôn chửi bới chị hằng đêm, dùng những lời lẽ thiếu văn hóa, nhắn tin xúc phạm, khiến chị tổn thương về tình cảm, khủng hoảng về tinh thần, nhiều lúc không thể chịu đựng được nổi nên muốn quyên sinh nhưng nghĩ thương các con còn quá nhỏ, mặt khác vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không chung chí

hướng, chị đi làm bên ngoài (thợ may) kiếm thêm thu nhập thì anh Ph tỏ thái độ ghen tuông không cho đi làm, đến khi chị nghỉ để tìm việc khác làm thuê thì không đồng ý, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, xa cách. Do không chịu đựng được lối sống, tính cách của anh Ph nên từ tháng 7/2020, chị đã dọn về nhà cha mẹ ruột ở xã P sing sống và vợ chồng ly thân từ đó, không ai quan tâm ai, người nào chỉ biết bổn phận của người ấy. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Ph.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thanh Nh, sinh ngày 26/01/2014, cháu Nguyễn Ngọc Thanh S, sinh ngày: 04/10/2016. Hiện nay các cháu đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Nh thì học tại trường tiểu học Q, cháu S học tại trường mầm non H, xã Q. Nay về con chung thì chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị làm nghề may, thu nhập khoảng 8.000.000đ, có thời gian và thu nhập đảm bảo lo cho các con. Vì vậy, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Thanh Ph trình bày:

Chị Hồ Thị L trình bày về quá trình tìm hiểu, kết hôn như trên là đúng sự thật. Anh và chị Lựu sau thời gian tự nguyện tìm hiểu đã tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã K ngày 04/10/2013, có tổ chức lễ cưới, việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình của cha mẹ anh ở xã K, huyện Đ. Trong quá trình chung sống, vợ chồng cũng có thời gian hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn vào khoảng tháng 03/2020, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thiếu tôn trọng lẫn nhau, chị L thờ ơ, lạnh nhạt, không quan tâm chăm sóc cho gia đình, tính tình hay trách móc, so sánh chồng với người khác, từ đó vợ chồng xảy ra cải vã, xung đột. Thừa nhận tính tình của anh hay ghen tuông là vì thấy chị L có thay đổi, hay làm đẹp hơn trước, nhưng chứng cứ thì anh không có. Anh nhận thấy điều này là sai, khiến vợ tổn thương về tình cảm, khủng hoảng tinh thần, anh cũng thừa nhận trong lúc nóng giận không kìm chế bản thân nên cũng có lời lẽ xúc phạm đến chị L. Vợ chồng anh hiện nay sống ly thân từ tháng 07/2020, chị L đã dọn về nhà cha mẹ ruột ở xã P, huyện Đ sinh sống nên không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xin ly hôn thì anh không đồng ý vì nghĩ thương các con, không muốn gia đình tan vỡ.

Về con chung: Anh và chị Lựu có hai người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thanh Nh, sinh ngày 26/01/2014, cháu Nguyễn Ngọc Thanh S, sinh ngày: 04/10/2016. Hiện nay, các cháu đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp phải ly hôn thì anh cũng đồng ý giao hai con cho chị L nuôi dưỡng, giáo dục. Vì bản thân anh là lao động tự do, phải đi làm xa tại tỉnh Ninh Thuận nên việc giao con cho chị L là phù hợp. Do công việc tự do nên thu nhập không cao, không ổn định.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không có nợ chung.

Bị đơn anh Ph đã được Tòa án tống đạt Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Mặt khác, chị L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Ph, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Thanh Nh và cháu Nguyễn Ngọc Thanh S, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung thì không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị và anh Ph không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng là nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn anh Ph không chấp hành quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Hồ Thị L và anh Nguyễn Thanh Ph được ly hôn; về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc Thanh Nh, sinh ngày 26/01/2014, cháu Nguyễn Ngọc Thanh S, sinh ngày: 04/10/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, vấn đề cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu giải quyết nên không đề cập; về tài sản chung: các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về nợ chung: chị L, anh Ph không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị L khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Ph, anh Ph có địa chỉ cư trú tại thôn Ng, xã K, huyện Đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là "*Tranh chấp về ly hôn*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]Về sự vắng mặt của đương sự:

Phiên tòa ngày 06 tháng 01 năm 2020, anh Ph vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Ph theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Ph đã được UBND xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 93 quyển số 01/2013 ngày 04/10/2013, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, thời điểm đăng ký cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị L, anh Ph là hợp pháp.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng quy định *"Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau…"*

Theo tài liệu có trong hồ sơ thì cả chị L và anh Ph đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên thiếu tôn trọng lẫn nhau, hay xích mích, cãi vã, xung đột và tháng 7/2020 chị L đã chuyển nhà mẹ ruột ở xã P, huyện Đ sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai, người nào chỉ biết bổn phận của người ấy. Chị L thì cho rằng tính tình của anh Ph hay ghen tuông vô cớ, dùng những lời lẽ chửi bới và nhắn tin xúc phạm, khiến chị tổn thương về tình cảm, khủng hoảng về tinh thần, chị đi làm thợ may bên ngoài thì tỏ thái độ ghen tuông không cho đi làm, khi chị nghỉ tìm việc khác làm thuê thì không đồng ý, từ đó dẫn đến vợ chồng lạnh nhạt, xa cách. Còn anh Ph thì cho rằng chị L thì thờ ơ, lạnh nhạt, không quan tâm, chăm sóc cho gia đình, tính tình hay trách móc, so sánh chồng với người khác, từ đó vợ chồng xảy ra cãi vã, xung đột, anh cũng thừa nhận tính của anh hay ghen vì thấy chị L thay đổi, hay làm đẹp hơn trước và trong lúc nóng giận không kìm chế bản thân nên có lời lẽ xúc phạm, khiến chị L tổn thương về tình cảm, khủng hoảng tinh thần.

Tại biên bản xác minh ngày 19/10/2020, bà Nguyễn Thị Kim Ph là mẹ ruột của anh Ph cho biết*"Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh Ph chung sống với gia đình bà tại xã K. Quá trình sống chung thì vợ chồng cũng có xảy ra xích mích. Tháng 7/2020, chị L đã về nhà cha mẹ ruột ở xã P sinh sống cho đến nay"*. Theo biên bản xác minh ngày 20/10/2020, bà Trương Thị M là mẹ ruột của chị L cho biết*"Thời gian đầu, vợ chồng chị L chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, chị L thường xuyên về tâm sự với bà về nỗi khổ tâm, cuộc sống không hạnh phúc. Tháng 7/2020, chị L đã dọn về ở cùng gia đình bà tại xã P và vợ chồng ly thân từ đó. Trong thời gian chị L ở với bà nhưng anh Ph không thăm hỏi, động viên vợ con mà còn nhắn tin chửi bới chị L"*.

Đối với anh Ph đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để biết và đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng đều vắng mặt, điều đó thể hiện sự bỏ mặc, không còn thiết tha đến tình cảm vợ chồng.

Như vậy, mâu thuẫn giữa chị L và anh Ph là có xảy ra trên thực tế, vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ mà cả hai đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mâu thuẫn xảy ra nhưng các bên cũng không có biện pháp giải quyết, hàn hắn tình cảm. Tại phiên tòa, chị L vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Ph. Chứng tỏ hôn nhân của chị L, anh Ph đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy

cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị L và anh Ph được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh Ph có hai người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thanh Nh, sinh ngày 26/01/2014, cháu Nguyễn Ngọc Thanh S, sinh ngày: 04/10/2016. Tại biên bản lấy lời khai đối chất ngày 19/10/2020 anh Ph thể hiện ý kiến *"Trường hợp phải ly hôn thì anh cũng đồng ý giao hai con cho chị L nuôi dưỡng, giáo dục. Vì bản thân anh là lao động tự do, phải đi làm xa tại tỉnh Ninh Thuận nên việc giao con cho chị L là phù hợp. Do công việc tự do nên thu nhập không cao, không ổn định"*. Xét thấy, hiện tại cháu Nh và cháu S đang do chị Lựu trực tiếp nuôi dưỡng, các cháu đang học tập tại xã Q, anh Ph thì đi làm xa tại tỉnh Ninh Thuận và cũng đồng ý giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng trong trường hợp vợ chồng ly hôn. Mặt khác, nguyện vọng của chị L thể hiện yêu cầu được nuôi hai con. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu Nh và cháu S cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế, phù hợp với ý kiến của các bên đương sự, đảm bảo để cho các cháu có điều kiện phát triển tốt về mọi mặt. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị Lựu không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị L anh Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị L và anh Ph đều xác nhận không có nợ chung nên không đặt vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí: Buộc nguyên đơn chị L phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bị đơn anh Ph không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 205, 206, 207, 220, 227, 228, 262 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Hồ Thị L đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh Ph.

Cho chị Hồ Thị L và anh Nguyễn Thanh Ph được ly hôn.

2.Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Thanh Nh, sinh ngày 26/01/2014 và cháu Nguyễn Ngọc Thanh S, sinh ngày: 04/10/2016 cho chị Hồ Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3.Về án phí: Buộc chị Hồ Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0002607 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương (chị L đã nộp đủ). Anh Nguyễn Thanh Ph không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4.Về quyền kháng cáo: Chị Hồ Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thanh Ph vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Luyện Thanh Sơn